

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Bùi Thị Tâm¹, Nguyễn Thị Ánh Mai¹, Trần Quỳnh Mai¹

Ngày nhận bài: 30/7/2025; Ngày phản biện thông qua: 17/9/2025; Ngày duyệt đăng: 29/9/2025

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả khảo sát thực trạng kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai tại Trường Đại học Tây Nguyên. Nghiên cứu được thực hiện trên 244 sinh viên năm thứ 2, 3 và 4 cùng với 30 giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành và học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thuộc chương trình đào tạo hai chuyên ngành. Năm kĩ năng được khảo sát bao gồm: (1) Kĩ năng phân tích bối cảnh giáo dục; (2) Kĩ năng xác định mục tiêu giáo dục; (3) Kĩ năng thiết kế chương trình giáo dục; (4) Kĩ năng thực hiện chương trình giáo dục; và (5) Kĩ năng đánh giá, điều chỉnh chương trình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thực trạng kĩ năng phát triển chương trình của sinh viên đạt mức khá, các kĩ năng có xu hướng tăng dần theo các khóa học, thể hiện sự ảnh hưởng tích cực của tiến trình đào tạo. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài báo đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kĩ năng phát triển chương trình nhà trường cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Các khuyến nghị này hướng đến các đối tượng: khoa/bộ môn trong việc xây dựng chương trình đào tạo, giảng viên, trường tiểu học – Đơn vị phối hợp hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập sư phạm và bản thân sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện.

Từ khóa: kĩ năng phát triển chương trình, chương trình giáo dục nhà trường, sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tây Nguyên.

1. MỞ ĐẦU

Các nghiên cứu đều khẳng định, việc phát triển chương trình nhà trường trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục phổ thông nói chung và cấp tiểu học nói riêng (Phạm Thị Yên, 2022), (Nguyễn Trọng Đức, 2023). Phát triển chương trình nhà trường thể hiện sự trao toàn quyền hoặc một phần quyền quyết định về chương trình cho nhà trường với sự tham gia của các bên liên quan như các nhà quản lí giáo dục cấp trung ương, địa phương, nhà trường, giáo viên, học sinh, phụ huynh và cộng đồng (Vũ Thị Mai Hương, 2023), (Nguyễn Trọng Đức, 2023). Bởi vậy, đội ngũ giáo viên cần có năng lực phát triển chương trình nhà trường – Một trong những năng lực nghề nghiệp quan trọng của người giáo viên hiện nay. Sinh viên (SV) ngành Giáo dục tiểu học, để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của một nhà giáo trong tương lai cần được chuẩn bị đầy đủ về chuyên môn, năng lực sư phạm và kĩ năng nghề nghiệp, trong đó có kĩ năng phát triển chương trình nhà trường. Để làm được điều đó, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai của Trường Đại học Tây Nguyên đã định kì rà soát, cập nhật, cải tiến theo hướng tăng cường thực hành, trải nghiệm để rèn luyện các kĩ năng, trong đó có kĩ năng phát triển chương trình nhà trường đáp ứng yêu cầu thực tiễn (Đại học Tây Nguyên, 2023), (Đại học Tây Nguyên, 2025).

Trong bài viết này, các tác giả tập trung khảo sát thực trạng kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của SV ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai tại Trường Đại học Tây Nguyên. Năm kĩ năng cốt lõi được khảo sát bao gồm: kĩ năng phân tích bối cảnh giáo dục; kĩ năng xác định mục tiêu giáo dục; kĩ năng thiết kế chương trình giáo dục; kĩ năng tổ chức thực hiện chương trình; và kĩ năng đánh giá, điều chỉnh chương trình. Kết quả khảo sát cũng đã so sánh giữa các năm học, đồng thời đối chiếu giữa đánh giá của SV và giảng viên (GV), qua đó góp phần làm rõ thực trạng kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của SV. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số khuyến nghị cho các cấp có liên quan như: khoa/bộ môn phụ trách xây dựng chương trình đào tạo giáo viên, giảng viên chuyên ngành, nhà trường tiểu học – Nơi tham gia hướng dẫn SV kiến tập, thực tập sư phạm và SV. Những khuyến nghị này hướng đến việc nâng cao hiệu quả rèn luyện kĩ năng phát triển chương trình nhà trường, góp phần đào tạo được đội ngũ giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông khi đảm nhiệm vai trò của giáo viên tiểu học trong tương lai.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Tâm; Email: bttam@ttn.edu.vn.

Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của SV ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ những nội dung trên chúng tôi sử dụng phương pháp sau:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu liên quan đến bài viết: Đó là các công trình, bài viết về kĩ năng phát triển chương trình nhà trường, kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của SV.

- Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Khảo sát 244 sinh viên năm thứ 2, 3 và 4 cùng với 30 giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành và học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học - tiếng Jrai về các nội dung: thực trạng nhận thức về vai trò của kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của GV và SV; Thực trạng kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của SV. Thời gian khảo sát từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2025. Bảng hỏi đã được gửi trực tiếp GV và SV. Những người tham gia khảo sát đã được thông báo đầy đủ về mục đích nghiên cứu cũng như bảo mật thông tin cá nhân.

- Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng phần mềm Excel với các tham số: giá trị trung bình (mean), độ lệch chuẩn (SD), kiểm định t-test (p); nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Việc đánh giá các nội dung khảo sát như sau: Về nhận thức theo năm mức độ: hoàn toàn không phù hợp, không phù hợp, ít phù hợp, khá phù hợp, hoàn toàn phù hợp; Về mức độ thực hiện gồm năm mức độ: rất yếu, yếu, trung bình, khá, tốt. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng, với giá trị từ 1,00 đến 5,00. Cơ sở quy đổi dựa trên công thức xác định khoảng cách giữa các mức: (giá trị lớn nhất – giá trị nhỏ nhất): số mức (trong đó: giá trị lớn nhất = 5, giá trị nhỏ nhất = 1, nên khoảng cách mỗi mức = $(5-1)/5 = 0,80$ điểm. Do đó, các mức được xác định lần lượt: Rất yếu: từ 1.00 điểm đến dưới 1.80 điểm, Yếu: từ 1.80 điểm đến dưới 2.60 điểm, Trung bình: từ 2.60 điểm đến dưới 3.40 điểm, Khá: từ 3.40 điểm đến dưới 4.20 điểm, và Tốt: từ 4.20 điểm đến 5.00 điểm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số lý luận về kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

3.1.1. Một số khái niệm

a. Phát triển chương trình nhà trường

Các nghiên cứu của Lương Việt Thái, Nguyễn Đức Chính, Phạm Thị Yến đã đưa ra khái niệm phát

triển chương trình như sau: Phát triển chương trình nhà trường là quá trình nhà trường và tập thể giáo viên chủ động điều chỉnh, xây dựng, triển khai và đánh giá các thành tố của chương trình (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá) để đảm bảo chương trình phù hợp nhất với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tiễn. Phát triển chương trình nhà trường thể hiện vai trò chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của đội ngũ giáo viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học (Nguyễn Đức Chính, 2015), (Lương Việt Thái, 2017), (Phạm Thị Yến, 2021).

b. Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường

Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường là một dạng hành động được chủ thể thực hiện một cách tự giác dựa trên tri thức về chương trình giáo dục nhà trường, đáp ứng nhu cầu, đặc điểm của từng nhà trường, đem lại hiệu quả về sự thay đổi tích cực cho nhà trường (Phạm Thị Yến, 2021). Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường không phải là kĩ năng đơn lẻ mà là tổ hợp của nhiều kĩ năng thành phần, đó là: (1) Kĩ năng phân tích bối cảnh giáo dục; (2) Kĩ năng xác định mục tiêu giáo dục; (3) Kĩ năng thiết kế chương trình giáo dục; (4) Kĩ năng thực hiện chương trình giáo dục; và (5) Kĩ năng đánh giá, điều chỉnh chương trình (Nguyễn Đức Chính, 2015), (Phạm Thị Yến, 2021), (Nguyễn Thị Quỳnh, 2023).

c. Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Từ định nghĩa phát triển chương trình nhà trường và kĩ năng phát triển chương trình nhà trường, chúng tôi đưa ra định nghĩa kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học là việc sinh viên vận dụng tri thức chuyên môn, kĩ năng và trải nghiệm thực tiễn để thiết kế, tổ chức, điều chỉnh và đánh giá các nội dung giáo dục trong chương trình nhà trường ở cấp tiểu học, phù hợp với mục tiêu, đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.

3.1.2. Vai trò của kĩ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Kĩ năng phát triển chương trình nhà trường có vai trò rất quan trọng thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành: Đây là một trong những nội dung thuộc chuẩn đầu ra thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên. Vì vậy, việc rèn luyện kĩ năng này không chỉ giúp SV đạt chuẩn đầu ra mà còn giúp bản thân SV sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ phát triển chương trình ngay khi ra trường.

- Phù hợp với chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông: Tiêu chuẩn 2, thuộc Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở cơ sở giáo dục phổ thông (Bộ GD&ĐT, 2021) đã định hướng cụ thể về chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó có kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của giáo viên. Do đó, rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình nhà trường cho ngành sinh viên ngành Giáo dục tiểu học là yêu cầu cả về mặt pháp lý và thực tiễn để định hướng đúng đắn trong đào tạo.

- Đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018: Chương trình mới yêu cầu nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục riêng phù hợp với bối cảnh cụ thể. Giáo viên muốn thực hiện hiệu quả yêu cầu này cần có kỹ năng phát triển chương trình nhà trường.

- Chuẩn bị cho vị trí việc làm tương lai: SV sau tốt nghiệp có thể đảm nhiệm nhiều vai trò (giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên...) nên việc được

rèn luyện bài bản kỹ năng này sẽ hỗ trợ họ thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí việc làm trong tương lai.

3.1.3. Các biểu hiện của kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Kế thừa các kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Thị Quỳnh, Phạm Thị Yến, bài báo xác định 5 kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của SV ngành giáo dục tiểu học bao gồm: 1) Kỹ năng phân tích bối cảnh giáo dục; (2) Kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục; (3) Kỹ năng thiết kế chương trình giáo dục; (4) Kỹ năng thực hiện chương trình giáo dục; và (5) Kỹ năng đánh giá, điều chỉnh chương trình như sau (Nguyễn Đức Chính, 2015), (Phạm Thị Yến, 2021), (Nguyễn Thị Quỳnh, 2023):

Bảng 1. Các thành phần kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên và biểu hiện

Thành phần kỹ năng	Biểu hiện cụ thể
Phân tích bối cảnh giáo dục	- Phân tích chương trình môn học/hoạt động giáo dục cụ thể. - Phân tích sách giáo khoa, tài liệu - Phân tích điều kiện thực hiện (giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất, điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương...)
Xác định mục tiêu giáo dục	Xác định mục tiêu môn học hoặc hoạt động giáo dục theo phẩm chất, năng lực. Xác định mục tiêu hoạt động giáo dục cụ thể.
Thiết kế chương trình giáo dục	Xây dựng kế hoạch môn học/hoạt động giáo dục. Lựa chọn nội dung phù hợp. Chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức. Xác định, lựa chọn các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp với môn học, đặc điểm HS từng khối lớp.
Thực hiện chương trình giáo dục	Thực hiện kế hoạch theo tuần, kỳ, năm học Thực hiện mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với từng nội dung của môn học/hoạt động giáo dục Sử dụng các phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS Sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học
Đánh giá, điều chỉnh chương trình	Xây dựng tiêu chí đánh giá Phân tích điểm mạnh/yếu Đề xuất điều chỉnh nội dung/thiết kế chương trình Xác định tác động của chương trình nhà trường tiểu học đến học sinh ở cấp độ môn học/hoạt động giáo dục.

Bảng trên trình bày 5 kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của SV ngành Giáo dục Tiểu học, mỗi kỹ năng được cụ thể hóa bằng các biểu hiện cụ thể. Bài viết trình bày kết quả khảo sát các biểu

hiện của 5 kỹ năng này ở mục sau.

3.2. Thực trạng kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên

3.2.1. Thực trạng nhận thức của giảng viên và sinh viên về vai trò của kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên

Thực trạng nhận thức của các đối tượng khảo sát về vai trò của kỹ năng phát triển chương trình nhà trường được thể hiện ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Nhận thức của GV và SV về vai trò của kỹ năng phát triển chương trình nhà trường

STT	Vai trò của các kỹ năng	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
		Mean	SD	Mean	SD		
1	Đáp ứng chuẩn đầu ra đối với SV ngành Giáo dục tiểu học	4,31	0,64	4,32	0,70	0,93	-0,08
2	Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở cơ sở giáo dục phổ thông	4,33	0,69	4,34	0,77	0,96	-0,04
3	Đáp ứng yêu cầu của CTGDPT 2018	4,36	0,77	4,32	0,72	0,70	0,38
4	Đáp ứng vị trí việc làm của SV ngành Giáo dục tiểu học khi ra trường	4,35	0,74	4,30	0,81	0,63	0,47

Kết quả khảo sát trong bảng 2 cho thấy, cả GV và SV đều đánh giá cao vai trò của kỹ năng phát triển chương trình nhà trường không chỉ giúp SV đáp ứng chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp, mà còn đặc biệt quan trọng để đáp ứng các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và nhu cầu thực tiễn của vị trí việc làm khi SV ra trường. Điểm trung bình ở cả hai nhóm dao động từ 4,30 đến 4,36. Thêm vào đó, kết quả kiểm định t-test có *t* từ -0,08 đến 0,47; *p* > 0,05 có nghĩa là cả hai nhóm đều thống nhất về vai trò quan trọng của các

kỹ năng phát triển chương trình nhà trường đối với SV.

3.2.2. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về thực trạng kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên

a. Thực trạng kỹ năng phân tích bối cảnh giáo dục của sinh viên

Kết quả khảo sát kỹ năng phân tích bối cảnh và nhu cầu giáo dục của SV được trình bày trong bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Thực trạng kỹ năng phân tích bối cảnh giáo dục của SV

Kỹ năng phân tích bối cảnh giáo dục của SV ngành GDTH	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
KN phân tích chương trình môn học/hoạt động giáo dục	4,08	0,50	4,00	0,70	0,66	0,43
KN phân tích sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường và các tài liệu khác	4,00	0,64	3,96	0,72	0,75	0,31
KN phân tích điều kiện thực hiện môn học/hoạt động GD	3,85	0,62	3,94	0,77	0,54	-0,60

Cả GV và SV đều đánh giá kỹ năng phân tích bối cảnh giáo dục của SV ngành Giáo dục tiểu học đạt mức khá, điểm trung bình dao động từ 3,85 đến 4,08. Trong đó, biểu hiện “phân tích chương trình môn học/hoạt động giáo dục” được đánh giá cao nhất, điểm đánh giá của GV và SV lần lượt là 4,08; 4,00. Đối với biểu hiện “phân tích sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường và các tài liệu khác” có điểm trung bình hai nhóm là 4,00; 3,96. Cuối cùng, biểu hiện có điểm đánh giá thấp hơn là “phân tích điều kiện thực hiện môn học/hoạt động

giáo dục” được GV đánh giá 3,85 và SV đánh giá là 3,94. Kết quả từ kiểm định t-test cho thấy các giá trị *p* đều lớn hơn 0,05 (0,66; 0,75; 0,54), nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của GV và SV. Giá trị *t* dao động từ -0,60 đến 0,43, cũng cố thêm nhận định rằng sự khác biệt giữa hai nhóm là rất nhỏ.

b. Thực trạng kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục của sinh viên

Phân tích kết quả khảo sát kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục của SV được trình bày trong bảng 4:

Bảng 4. Thực trạng kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục của SV

Kỹ năng xác định mục tiêu giáo dục của SV ngành GDTH	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
Xác định mục tiêu môn học	3,95	0,66	4,07	0,76	0,45	-0,76
Xác định mục tiêu hoạt động GD	3,92	0,62	4,05	0,70	0,39	-0,85

Kĩ năng xác định mục tiêu giáo dục của SV được khảo sát theo hai biểu hiện: xác định mục tiêu môn học và xác định mục tiêu hoạt động giáo dục. Biểu hiện “xác định mục tiêu môn học” có điểm trung bình của SV tự đánh giá đạt mức 4,07 và độ lệch chuẩn 0,76 còn GV đánh giá đạt 3,95 và độ lệch chuẩn 0,66, tương ứng với mức khá. Tương tự, với biểu hiện “xác định mục tiêu hoạt động giáo dục”, GV cho điểm trung bình 3,92 (độ lệch chuẩn 0,62), thấp hơn so với SV, điểm trung bình là 4,05 và độ lệch chuẩn 0,70.

Xét về độ lệch chuẩn, có thể thấy giá trị của SV luôn cao hơn GV (0,76 so với 0,66; 0,70 so với

0,62), cho thấy ý kiến của SV phân tán và không đồng đều bằng ý kiến của GV. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai nhóm đánh giá đều nhỏ và không có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, kết quả kiểm định t lần lượt là -0,76; - 0,85 và p lần lượt là 0,45; 0,39. Vì cả hai giá trị p đều > 0,05, có thể kết luận rằng không có sự khác biệt giữa đánh giá của GV và SV.

c. Thực trạng kĩ năng thiết kế chương trình nhà trường của sinh viên

Phân tích kết quả khảo sát kĩ năng thiết kế chương trình nhà trường của sinh viên được trình bày trong bảng 5:

Bảng 5. Thực trạng kĩ năng thiết kế chương trình nhà trường của SV ngành GDTH

Thực trạng kĩ năng thiết kế chương trình nhà trường của SV ngành GDTH	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
KN xây dựng kế hoạch môn học/hoạt động giáo dục	3,90	0,60	4,11	0,73	0,08	-1,75
KN phân tích, lựa chọn các nội dung dạy học/ giáo dục phù hợp	3,80	0,66	4,00	0,76	0,14	-1,50
KN xác định, lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	4,00	0,58	4,19	0,70	0,18	-1,35
KN xác định, lựa chọn các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp với môn học, đặc điểm HS từng khối lớp	3,90	0,71	4,09	0,71	0,16	-1,41

Thiết kế chương trình nhà trường là một trong những kĩ năng cơ bản mà SV ngành Giáo dục Tiểu học cần được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy, cả GV và SV đều đánh giá kĩ năng này ở mức khá, giá trị trung bình dao động từ 3,80 đến 4,19. Cụ thể, bốn biểu hiện được khảo sát gồm: Thứ nhất, về “xây dựng kế hoạch môn học/hoạt động giáo dục”, được GV và SV cho điểm lần lượt là 3,90; 4,11 (khá). Về biểu hiện “phân tích, lựa chọn các nội dung dạy học/giáo dục phù hợp” có điểm lần lượt là 3,80; 4,00 (khá). Biểu hiện “xác định, lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học” được đánh giá cao nhất, với điểm đánh giá của GV là 4.00 và SV là 4,19. Kết quả này cho thấy SV có nền tảng vững về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phản ánh hiệu quả của việc lồng ghép lý thuyết và thực hành trong các học phần chuyên ngành. Đối với biểu hiện “xác định, lựa chọn các

phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp với môn học và đặc điểm học sinh tiểu học” được cả hai nhóm đánh giá với điểm lần lượt là 3,90; 4,09. Điểm số giữa hai nhóm GV và SV có sự chênh lệch nhất định, thể hiện xu hướng SV tự đánh giá cao hơn so với GV. Tuy nhiên, giá trị *p* của các thành phần kỹ năng đều lớn hơn 0,05 và giá trị *t* dao động từ -1,75 đến -1,35, cho thấy sự khác biệt giữa đánh giá của hai nhóm không có ý nghĩa thống kê. Điều này hàm ý rằng mặc dù có sự chênh lệch về điểm số trung bình, nhưng sự khác biệt này chỉ mang tính tương đối và không đủ mạnh để khẳng định sự khác biệt

d. Thực trạng kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Phân tích kết quả khảo sát kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của SV được trình bày trong bảng 6:

Bảng 6. Thực trạng kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của SV

Thực trạng kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của SV ngành GDTH	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
KN thực hiện kế hoạch giáo dục tuần/học kỳ/năm học của môn học để hiện thực hóa CT nhà trường tiểu học	3,9	0,71	4,11	0,74	0,13	-1,52
KN thực hiện mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với từng nội dung của môn học/hoạt động giáo dục	4,00	0,64	4,11	0,70	0,38	-0,88

Thực trạng kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của SV ngành GDTH	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
KN sử dụng các phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS	4,00	0,64	4,09	0,78	0,48	-0,70
KN sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS	3,80	0,66	4,05	0,78	0,06	-1,9
KN ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	3,90	0,71	4,08	0,76	0,19	-1,3

Đối với kĩ năng thực hiện chương trình nhà trường của sinh viên: GV đánh giá kĩ năng của SV ở mức từ 3,80 đến 4,00, tương ứng mức khá. SV tự đánh giá dao động từ 4,05 đến 4,11, cao hơn so với đánh giá của GV. Cụ thể, biểu hiện “thực hiện kế hoạch giáo dục tuần/học kỳ/năm học của môn học để hiện thực hóa chương trình nhà trường tiểu học” có điểm trung bình của GV và SV lần lượt là 3,90; 4,11. Tuy có sự chênh lệch nhưng giá trị *p* là 0,13 và *t* là -1,52 cho thấy không có sự khác biệt về mặt thống kê. Ở biểu hiện “thực hiện mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với từng nội dung của môn học/hoạt động giáo dục”, điểm trung bình giữa GV và SV là 4,00; 4,11, sự khác biệt nhỏ *p*, *t* lần lượt là 0,38; -0,88 phản ánh mức độ thống nhất cao. Với biểu hiện “sử dụng các phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất,

năng lực HS” lần lượt là 4,00; 4,09 với *p*, *t* lần lượt là 0,48; -0,70. Tương tự, biểu hiện “sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS được cả hai nhóm đánh giá khá tương đồng là 4,00; 4,05, cho thấy SV cơ bản đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Cuối cùng, biểu hiện “ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học” đạt mức khá, điểm đánh giá lần lượt là 3,90; 4,08, sự khác biệt giữa hai nhóm chưa đủ ý nghĩa thống kê với *p*, *t* là 0,20; -1,32). Nhìn chung, các giá trị *p* đều > 0,05 cho thấy đánh giá của GV và SV có sự đồng thuận, phản ánh độ tin cậy và tính ổn định của kết quả khảo sát về kĩ năng thực hiện chương trình.

e. Thực trạng kĩ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình nhà trường của sinh viên

Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 7 sau đây:

Bảng 7. Thực trạng kĩ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình nhà trường của SV

Thực trạng kĩ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình nhà trường của SV	GV đánh giá		SV đánh giá		<i>p</i>	<i>t</i>
	Mean	SD	Mean	SD		
KN xây dựng các tiêu chí đánh giá chương trình môn học/hoạt động giáo dục	3,80	0,71	3,92	0,74	0,40	-0,85
KN phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế của CTGD nhà trường tiểu học ở cấp độ môn học/hoạt động giáo dục	3,70	0,70	3,90	0,72	0,50	-0,67
KN xác định nội dung cần điều chỉnh các môn học/hoạt động GD sau khi thực hiện CTGD nhà trường tiểu học	3,83	0,59	3,92	0,73	0,47	-0,72
KN xác định tác động của CTGD nhà trường tiểu học đến HS ở cấp độ môn học/hoạt động GD	3,80	0,71	3,80	0,8	0,99	0,005

Kết quả khảo sát về mức độ kĩ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình nhà trường tiểu học cho thấy sự chênh lệch nhẹ giữa đánh giá của GV và SV. Trong các biểu hiện kĩ năng được khảo sát, điểm trung bình của SV luôn cao hơn hoặc bằng với điểm trung bình do GV đánh giá. Cụ thể, ở biểu hiện “xây dựng các tiêu chí đánh giá chương trình môn học/hoạt động giáo dục”, điểm trung bình của GV là 3,80 và SV là 3,92. Mặc dù SV tự đánh giá cao hơn, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì *p*, *t* lần lượt là 0,40; -0,85. Thứ

hai, biểu hiện “phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế của chương trình nhà trường tiểu học ở cấp độ môn học/hoạt động giáo dục” được hai nhóm đánh giá lần lượt là 3,70; 3,9, với *p*, *t* là 0,50; -0,67, cho thấy hai nhóm đều thống nhất biểu hiện này của SV chưa thực hiện tốt. Thứ ba, đối với biểu hiện “xác định nội dung cần điều chỉnh các môn học/hoạt động giáo dục sau khi thực hiện chương trình nhà trường tiểu học” điểm trung bình của GV là 3,83 và SV là 3,92 gần như tương đồng vì sự khác biệt nhỏ của hai giá trị *p*, *t* (lần lượt 0,47;

-0,72), không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê. Đáng chú ý, ở biểu hiện “xác định tác động của chương trình nhà trường tiểu học đến học sinh ở cấp độ môn học/hoạt động giáo dục”, điểm trung bình của cả hai nhóm là 3,80, cho thấy cả GV và SV có sự đồng thuận về kỹ năng này. Nhìn chung, kết quả khảo sát thể hiện sự đồng thuận khá cao giữa GV và SV khi cho điểm kỹ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình nhà trường của SV. Điểm

trung bình của cả hai nhóm không có sự khác biệt về mặt thống kê.

f. So sánh kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên theo năm đào tạo

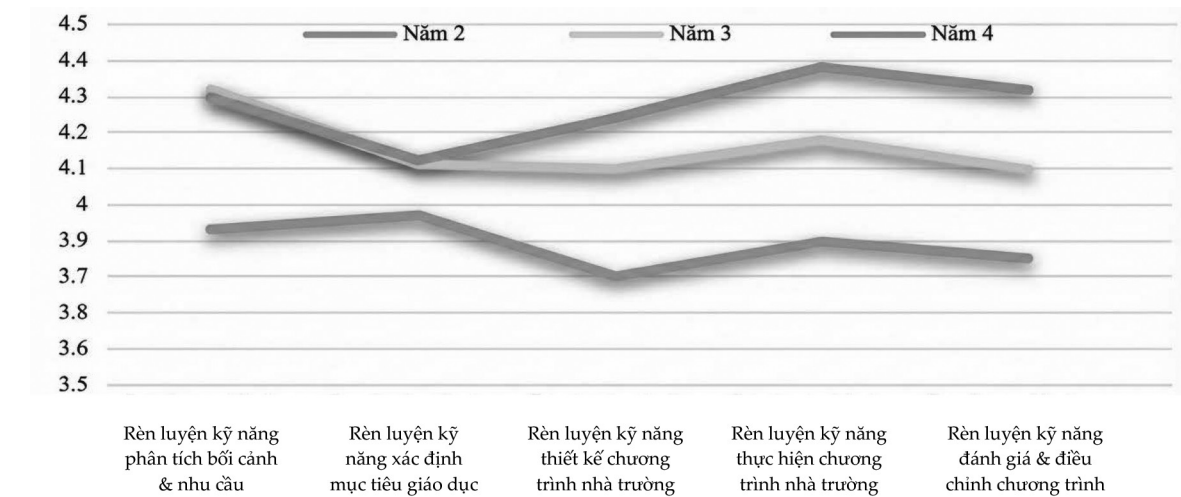
Từ kết quả khảo sát, chúng tôi đã so sánh kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của 3 nhóm SV: năm thứ 2, năm thứ 3, năm thứ 4 để tìm hiểu thực trạng kỹ năng của từng nhóm. Kết quả như sau:

Bảng 8. So sánh kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên theo năm đào tạo

Kỹ năng	Năm 2 N=94	Năm 3 N=85	Năm 4 65
Phân tích bối cảnh & nhu cầu	3,93	4,05	4,30
Xác định mục tiêu giáo dục	3,80	4,00	4,12
Thiết kế chương trình nhà trường	3,80	4,00	4,30
Thực hiện chương trình nhà trường	3,90	4,18	4,38
Đánh giá & điều chỉnh chương trình	3,85	4,18	4,32

Kết quả so sánh cho thấy, tất cả các kỹ năng đều có sự tăng trưởng từ năm thứ 2 đến năm thứ 4, cho thấy quá trình đào tạo có tác động tích cực đến sự phát triển kỹ năng của SV. Kỹ năng phát triển mạnh nhất: Thực hiện chương trình nhà trường và thiết kế chương trình nhà trường có mức tăng trưởng điểm số rõ rệt, đặc biệt từ năm thứ 3 đến năm thứ 4. Năm thứ 4 là giai đoạn SV được tiếp cận thực

hành sự phạm nhiều hơn nên điểm số cao hơn là phù hợp. So sánh giữa các kỹ năng: Ở năm thứ 2, kỹ năng phân tích bối cảnh & nhu cầu đạt điểm cao nhất (3,93). Đến năm thứ 4, kỹ năng thực hiện chương trình nhà trường có điểm trung bình cao nhất (4,38), cho thấy sinh viên có sự tiến bộ rõ rệt khi được tiếp cận thực tế. Biểu đồ thể hiện sự tăng trưởng:



Biểu đồ 1. So sánh kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của SV theo năm đào tạo

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của SV ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên ở mức khá. Cả hai nhóm khảo sát đều đồng thuận đây là kỹ năng phát triển chương trình nhà trường có vai trò quan trọng đối với SV. Một số biểu hiện được cả GV và SV đánh giá cao như phân tích chương trình môn học/hoạt động giáo dục; phân tích sách giáo khoa và các tài liệu; thực hiện mục tiêu/yêu cầu cần đạt đối với từng nội dung môn học/hoạt động giáo dục; sử dụng các phương pháp, phương tiện hình thức tổ chức dạy

học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Bên cạnh đó, một số biểu hiện còn chưa được đánh giá cao như: phân tích điều kiện thực hiện môn học/hoạt động giáo dục; sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá... Đáng chú ý kỹ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình có điểm đánh giá thấp hơn các kỹ năng khác. Khảo sát cũng cho thấy kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên đã được trải nghiệm thực tiễn qua các các đợt kiến tập, thực tập sư phạm cao hơn so với sinh viên chỉ học tập lý thuyết ở giảng đường.

3.3. Một số khuyến nghị từ thực trạng kỹ năng phát triển chương trình nhà trường của sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Tây Nguyên

Với kết quả khảo sát được phân tích ở trên, bài viết đưa ra một số khuyến nghị với các bên liên quan đến công tác đào tạo giáo viên tiểu học để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho SV ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

Đối với Khoa Sư phạm và Bộ môn Giáo dục tiểu học: Cần tiếp tục rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và trải nghiệm thực tiễn phát triển chương trình tại các trường tiểu học.

Đối với GV giảng dạy các học phần chuyên ngành như phương pháp dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: Nên tăng cường tổ chức cho SV thực hiện các nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn như thực hiện các dự án học tập, dạy học thông qua tình huống, dạy học trải nghiệm..., từ đó hình thành năng lực phân tích – thiết kế – tổ chức – đánh giá chương trình nhà trường.

Đối với các trường tiểu học: Tăng cường phối hợp với cơ sở đào tạo trong hoạt động thực tập sư phạm, tạo môi trường cho SV tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức và đánh giá chương trình giáo dục nhà trường.

Đối với SV: Chủ động học hỏi, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm từ thực tiễn, đặc biệt chú trọng đến các yếu tố đặc thù của địa phương khi tham gia thiết kế và điều chỉnh chương trình nhà trường.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên có sự khác biệt theo năm học và nhóm kỹ năng. Bên cạnh những kỹ năng được đánh giá cao thì vẫn có những kỹ năng hoặc biểu hiện còn thấp, đáng chú ý như kỹ năng đánh giá và điều chỉnh chương trình có điểm đánh giá thấp hơn các kỹ năng khác. Sinh viên năm cuối có mức độ rèn luyện cao hơn so với sinh viên năm thứ 2 và năm thứ 3. Từ thực trạng này, bài báo đề xuất một số khuyến nghị đối với cơ sở đào tạo, giảng viên, trường tiểu học và sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Cũng từ kết quả nghiên cứu này, chúng tôi hướng tới triển khai các nghiên cứu sâu hơn về mô hình, phương pháp và công cụ rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình nhà trường cho sinh viên, trong đó có thể ứng dụng công nghệ, đào tạo đa phương thức, hoặc khai thác bối cảnh đặc thù của địa phương nhằm nâng cao tính thực tiễn và hiệu quả đào tạo giáo viên tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

THE CURRENT STATUS OF SCHOOL CURRICULUM DEVELOPMENT SKILLS OF PRIMARY EDUCATION STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Bui Thi Tam¹, Nguyen Thi Anh Mai¹, Tran Quynh Mai¹

Received Date: 30/7/2025; Revised Date: 17/9/2025; Accepted for Publication: 29/9/2025

ABSTRACT

This article presents the results of a survey on the current status of school curriculum development skills among students majoring in Primary Education and Primary Education – Jrai Language at Tay Nguyen University. The study was conducted with 244 second-, third-, and fourth-year students, along with 30 lecturers who teach specialized and pedagogical training courses in both training programs. The survey focused on five groups of skills: (1) the ability to analyze educational contexts; (2) the ability to identify educational objectives; (3) the ability to design educational programs; (4) the ability to implement educational programs; and (5) the ability to evaluate and adjust educational programs. The findings indicate that students' curriculum development skills are at a relatively good level, with a positive progression across academic years, reflecting the impact of the training process. Among the surveyed skills, context analysis and objective identification were rated highly by students. However, curriculum design skills—and particularly evaluation and adjustment skills—remained limited, especially among second-year students. Based on these findings, the article proposes several recommendations to enhance the effectiveness of developing curriculum design skills for Primary Education students. These recommendations are addressed to various stakeholders: faculties/departments in charge of curriculum development, lecturers, primary schools (as cooperating institutions in practicum and internship programs), and the students themselves during their learning and training process.

Keywords: curriculum development skills, school-based curriculum, Primary Education students, Tay Nguyen University.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ GD&ĐT (2021). *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Đại học Tây Nguyên (2023). *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học — Tiếng Jrai 2023*. Đại học Tây Nguyên.
- Đại học Tây Nguyên (2025). *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học — Tiếng Jrai 2025*. Đại học Tây Nguyên.
- Lương Việt Thái (2017). Một số vấn đề về phát triển chương trình giáo dục nhà trường. *Tạp chí giáo dục*, 138, 12–15.
- Nguyễn Đức Chính (2015). *Phát triển chương trình giáo dục*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Quỳnh (2023). Quy trình phát triển chương trình nhà trường và việc thực hiện ở một số trường trung học cơ sở ở Hà Nội. *Tạp chí giáo dục*, 23(7), 53–58.
- Nguyễn Trọng Đức (2023). Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phổ thông. *Tạp chí giáo dục*, 23(7), 53–58. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210806>
- Phạm Thị Yên (2021). Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 42, 24–27.
- Phạm Thị Yên (2022). *Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho sinh viên đại học ngành giáo dục tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
- Vũ Thị Mai Hương (2023). Vai trò của các bên liên quan trong phát triển chương trình nhà trường đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 68(1), 20–32.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Bui Thi Tam; Email: btam@ttn.edu.vn.